



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



**Hướng dẫn của UN-EU
về Chi phí địa phương
trong Hợp tác phát triển với Việt Nam**

Bản cập nhật năm 2009

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi rất vui mừng giới thiệu Hướng dẫn này với một hệ thống các định mức thống nhất cho các chi phí phát sinh ở địa phương liên quan đến công tác quản lý Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tại Việt Nam. Đây là kết quả của sự hợp tác chung giữa Chính phủ Việt Nam, Liên hợp quốc và Ủy ban Châu Âu.

Chúng tôi hoan nghênh Chính phủ Việt Nam đã chủ trì sáng kiến ba bên này, qua đó làm tăng tính minh bạch và tạo cơ sở để hài hòa và đồng nhất hệ thống giữa các nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam theo tinh thần của Cam kết Hà Nội về nâng cao hiệu quả viện trợ.

Có thể thấy trong Hướng dẫn này các thành quả của sự nỗ lực chung. Liên hợp quốc và Liên minh Châu Âu cam kết sẽ áp dụng tối đa có thể Hướng dẫn này trên cơ sở tuân thủ các quy định của mỗi tổ chức.

Chúng tôi khuyến khích các nhà tài trợ khác sử dụng Hướng dẫn này cho các chương trình, dự án ODA của mình tại Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng các định mức chi tiêu hài hòa này sẽ đóng góp thiết thực vào việc nâng cao hiệu quả viện trợ tại Việt Nam.

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2009

Cao Viết Sinh
Thư trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Việt Nam

John Hendra
Điều phối viên thường trú
Liên hợp quốc
tại Việt Nam

Michal Kral
Đại sứ đặc mệnh
toàn quyền Cộng hoà Séc
tại Việt Nam
Chủ tịch luân phiên
Liên minh Châu Âu

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BKHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
BNG	Bộ Ngoại giao
BTC	Bộ Tài chính
CQTH	Cơ quan hoặc Đối tác thực hiện dự án
EU	Liên minh Châu Âu
LHQ	Liên hợp quốc
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
TOR	Điều khoản tham chiếu

GIỚI THIỆU

Báo cáo nghiên cứu cơ sở về các hệ thống định mức chi tiêu hiện hành đối với các khoản viện trợ không hoàn lại và vốn vay ODA tại Việt Nam công bố tháng 11 năm 2006 đã nêu bật những khác biệt chủ yếu giữa định mức chi tiêu của các nhà tài trợ và chỉ ra những tình huống ảnh hưởng không tốt đến lợi ích của quốc gia và hiệu quả viện trợ.

Vì lẽ đó, Chính phủ Việt Nam, Liên hợp quốc (LHQ) và Liên minh Châu Âu (EU) giới thiệu định mức chi tiêu này như một nhân tố hướng tới việc thu hẹp dần khoảng cách giữa hệ thống của nhà tài trợ với hệ thống của Chính phủ dựa trên phương pháp tiếp cận thị trường tự do. Định mức chi tiêu này cũng thể hiện dự định của Chính phủ trong việc cập nhật định mức chi tiêu của mình gần hơn với điều kiện thị trường.

Các định mức chi tiêu được xây dựng dựa trên những nguyên tắc sau đây:

- Phản ánh tinh thần của Cam kết Hà Nội, đặc biệt trong khía cạnh hài hòa và đồng nhất; tăng cường vai trò làm chủ và năng lực trong các hệ thống khu vực công liên quan đến ODA tất cả ở các cấp;

- Bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình khi sử dụng nguồn vốn ODA trong các điều ước quốc tế cụ thể về ODA;

- Đảm bảo cung cấp các nguồn lực một cách phù hợp, kịp thời và thực hiện dự án đạt hiệu quả;

- Hướng dẫn có cấu trúc đơn giản, rõ ràng để thực hiện;

- Sử dụng các điều kiện thị trường của địa phương thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn chế độ gắn với các yếu tố thị trường được tham chiếu trên cơ sở phương pháp luận phù hợp;

- Áp dụng các thông lệ tốt nhất;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhóm Công tác ba bên¹ xem xét lại định mức chi phí ít nhất mỗi năm một lần trên cơ sở sử dụng cùng một phương pháp luận.

¹ Nhóm Công tác ba bên gồm đại diện của các cơ quan Việt Nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao), EC và UN.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Cơ quan hoặc Đối tác thực hiện dự án (CQTH)

Là cơ quan hoặc tổ chức do Chính phủ và LHQ hoặc EU lựa chọn và được ghi trong Đề cương chi tiết hoặc Văn kiện Dự án để trực tiếp quản lý và thực hiện một chương trình hoặc một dự án do tổ chức LHQ hoặc EU hỗ trợ.

Cán bộ dự án

Là cá nhân ký hợp đồng trực tiếp với CQTH thông qua quá trình tuyển chọn để cung cấp dịch vụ cho CQTH theo như Điều khoản tham chiếu (TOR) đã được thống nhất và được trả lương theo các định mức nêu tại Phụ lục I.

Chuyên gia tư vấn

Là cá nhân được ký hợp đồng thông qua quá trình tuyển chọn để hoàn thành công việc cụ thể trong khoảng thời gian nhất định theo như TOR đã được thống nhất và được trả thù lao theo thỏa thuận (chẳng hạn, theo ngày hoặc theo tháng) theo các định mức nêu tại Phụ lục II hoặc một khoản thù lao cố định được xác định thông qua đấu thầu cạnh tranh.

Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ

Là cá nhân được giao trách nhiệm chuẩn bị tài liệu gốc và (hoặc) hướng dẫn, tổ chức và (hoặc) cung cấp đầu vào kỹ thuật hoặc tri thức,... cho các hoạt động tập huấn và hội thảo của dự án theo các định mức nêu tại Phụ lục II-D.

Cuộc họp dự án định kỳ

Là những cuộc họp liên quan đến công việc quản lý dự án hàng ngày.

Công tác phí

Công tác phí bao gồm các khoản hỗ trợ cho chi phí ăn, ở và các khoản tiêu vật khác kể cả chi phí đi lại từ nơi ở đến điểm làm việc đầu tiên và ngược lại. Xem Phụ lục III.

Giấy tạm nghỉ việc

Là văn bản của đơn vị quản lý cho phép cán bộ, nhân viên của mình nghỉ việc tạm thời để cung cấp dịch vụ cho một chương trình, dự án.

Kinh nghiệm phù hợp

Là kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn theo yêu cầu của TOR.

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hướng dẫn này áp dụng cho các hoạt động của các dự án, chương trình do LHQ hoặc EU hỗ trợ theo Kế hoạch năm hoặc (và) theo Văn kiện Dự án đã được phê duyệt và do CQTH và các cơ quan đối tác khác thực hiện tại Việt Nam.

Các định mức chi tiêu nêu trong Hướng dẫn này quy định về các chi phí quản lý và thực hiện dự án nói chung.

Đối với những khoản chi tiêu đặc thù không được quy định trong các định mức chi tiêu này, CQTH sẽ xây dựng các định mức bổ sung theo lĩnh vực cụ thể trên cơ sở thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (BKHDĐT), Bộ Tài chính (BTC) và nhà tài trợ.

Các định mức chi tiêu nêu trong Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký, được áp dụng cho tất cả các dự án, chương trình mới và đang thực hiện. Đối với các dự án đang thực hiện và đã được cam kết chính thức, việc áp dụng tùy thuộc vào nguồn vốn sẵn có trong năm tài chính hiện thời của dự án.

Hướng dẫn này, khi được áp dụng, sẽ thay thế hoàn toàn các định mức chi tiêu trước đây.

CÁC NGUYÊN TẮC CHỈ ĐẠO

1. Đóng góp của Việt Nam cho ngân sách của dự án, chương trình:

Chính phủ Việt Nam dự kiến sẽ đóng góp các khoản chi sau (trong trường hợp CQTH không phải là cơ quan Chính phủ, CQTH có trách nhiệm đóng góp các khoản chi từ Mục ii. đến Mục iv. dưới đây):

i. Lương và các khoản phụ cấp cho cán bộ Chính phủ của CQTH và cho cán bộ Chính phủ được biệt phái làm việc cho dự án, chương trình.

ii. Chi phí cho Văn phòng dự án: Điện, nước, thông tin liên lạc trong nước, trụ sở văn phòng và các trang thiết bị văn phòng còn hoạt động được (nếu có).

iii. Chi phí vận hành dự án: Điện, nước, nơi làm việc, xăng dầu, chi phí bảo trì và sửa chữa trang thiết bị và xe cộ của dự án nếu quyền sở hữu các trang thiết bị đó đã được nhà tài trợ chuyển giao cho IP.

iv. Trên nguyên tắc và trong điều kiện có thể, chi phí đối với các trang thiết bị của CQTH khi cơ quan này sử dụng các trang thiết bị đó cho các hoạt động đào tạo, hội thảo và hội nghị của dự án.

v. Chi phí cho các cuộc họp dự án định kỳ.

Trừ trường hợp nêu tại các Mục i. và iv nói trên, khi CQTH không có khả năng đóng góp thì phần chi phí này sẽ do ngân sách dự án chi trả trên cơ sở có đề nghị chính thức của CQTH và được nhà tài trợ chấp thuận bằng văn bản.

2. Cán bộ dự án

Cán bộ dự án được tuyển dụng trong trường hợp (a) khi CQTH không có khả năng cung cấp nhân lực của mình theo yêu cầu để thực hiện chương trình, dự án và (hoặc) (b) trong các trường hợp khác việc sử dụng cán bộ của CQTH là không thể hoặc không khả thi. Trong những trường hợp mà người được tuyển vào làm nhân sự cho dự án không muốn rời bỏ cơ quan, tổ chức mà mình đang làm để làm việc cho chương trình, dự án, họ phải có giấy cho phép tạm nghỉ việc của cơ quan, tổ chức này.

3. Nhân sự cung cấp dịch vụ

- i. Trong trường hợp CQTH không có khả năng tự cung cấp đầu vào kỹ thuật để thực hiện một công việc cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định theo Kế hoạch hoạt động, họ có thể sử dụng Chuyên gia tư vấn, Phiên - Biên dịch viên, Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ. Trong trường

hợp Nhân sự cung cấp dịch vụ đang làm cho một cơ quan, tổ chức, họ phải có giấy cho phép tạm nghỉ việc của cơ quan, tổ chức này.

- ii. Phiên dịch hoặc biên dịch viên phải là những chuyên gia có kinh nghiệm với các bằng chứng khẳng định khả năng cung cấp dịch vụ biên, phiên dịch chất lượng cao trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp. Xem Phụ lục II – B cho mức phí phiên dịch và Phụ lục II – C cho mức phí biên dịch.
- iii. Phí thù lao cho Nhân sự cung cấp dịch vụ, tùy theo từng trường hợp cụ thể, cũng có thể được xác định thông qua quá trình đấu thầu cạnh tranh.

4. Công tác phí

Công tác phí được chi trả cho đại biểu hoặc người tham dự để trang trải các chi phí khi phải nghỉ qua đêm ở địa bàn khác nơi cư trú khi tham gia các khóa tập huấn, hội thảo, hội nghị, các chuyến giám sát hay các chuyến công tác khác ở Việt Nam theo yêu cầu của Giám đốc dự án trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được duyệt.

Công tác phí sẽ được thanh toán toàn bộ khi chi phí ăn, ở và các chi phí liên quan khác không được chi trả bằng bất kỳ hình thức nào khác. Công tác phí sẽ bị khấu trừ khi dự án hoặc các đơn vị liên quan khác của dự án chính thức chi trả cho các khoản sau đây: (a) Nếu chỗ ở được thu xếp, giảm phí thuê phòng như quy định cụ thể tại Phụ lục III; đối với trường hợp ở huyện và xã, giảm 50% công tác phí; (b) Nếu các bữa ăn được cung cấp, giảm 30% tiền ăn và tiêu vật quy định tại Phụ lục III cho mỗi bữa trưa hoặc bữa tối và 15% cho bữa sáng.

- i. Việc thanh toán được thực hiện theo hình thức khoán gọn.
- ii. Đối với các chuyến đi công tác chính thức kéo dài từ 10 tiếng trở lên bao gồm cả thời gian đi và về trong cùng một ngày, công tác phí sẽ được thanh toán bằng 40% của mức tương ứng theo địa điểm công tác.

Nếu việc tổ chức ăn trưa kinh tế hơn thì chương trình, dự án nên tổ chức ăn trưa cho người tham dự đối với các sự kiện tổ chức cả ngày. Khi không thể tổ chức ăn trưa, sẽ thanh toán 30% định mức ăn và tiêu vật của một ngày trong Công tác phí tại Phụ lục III cho đại biểu/người tham dự không đủ tiêu chuẩn được hưởng công tác phí. Đối với các sự kiện diễn ra trong nửa ngày thì không tổ chức ăn trưa hoặc thanh toán tiền công tác phí cho đại biểu hoặc người tham dự.

TIÊU CHUẨN CHẾ ĐỘ XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC

1. Thanh toán

Trong các trường hợp các định mức chi tiêu được quy định bằng Đô la Mỹ, việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng Đồng Việt Nam, sử dụng tỷ giá hối đoái của ngày thanh toán do nhà tài trợ áp dụng.

2. Luật Việt Nam

CQTH có trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật Việt Nam trong việc thanh toán, giữ lại và lưu hồ sơ,... các khoản thuế (Ví dụ: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân,...) và các khoản tiền bảo hiểm (Ví dụ: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...).

3. Định mức

Các định mức quy định trong Hướng dẫn này là mức tổng (chẳng hạn, bao gồm các khoản thuế và bảo hiểm).

4. Công tác phí

Định mức khách sạn được xác định ở mức chất lượng trung bình, tương đương với mức của khách sạn 3 sao. Bữa sáng, bữa trưa và bữa tối cũng xác định theo mức chất lượng trung bình, tương đương với các bữa ăn phục vụ tại khách sạn 3 sao.

5. Đi lại

Chi phí đi lại được quy định như sau:

- i. Đi lại đường không, đường bộ, đường thủy, sử dụng phương tiện giao thông công cộng ở hạng phổ thông và tuyến ngắn nhất;
- ii. Trong trường hợp mục (i) không có phương tiện giao thông công cộng, việc sử dụng phương tiện đi lại cá nhân cho mục đích của dự án sẽ được hoàn trả ở mức chuẩn theo km và theo độ dài quãng đường và phải được phép trước của Giám đốc dự án theo kế hoạch hoạt động đã được duyệt. Xem Phụ lục IV;
- iii. Việc thuê phương tiện đi lại chỉ được thực hiện cho một số công việc cụ thể như giám sát dự án và phải được phép trước của Giám đốc dự án theo kế hoạch hoạt động đã được duyệt và sử dụng mức giá của thị trường đối với phương tiện đi lại thông thường.
- iv. Đối với các chuyến đi bằng máy bay, khi cần phải đi riêng đến và về từ sân bay, một khoản thanh toán khoán gọn sẽ được hoàn trả cho cá nhân đi lại bằng taxi. Xem Phụ lục V.

Trừ trường hợp (ii) và (iv) nêu trên, khi thanh toán cần phải trình các chứng từ.

6. Cán bộ dự án:

Tiền lương và việc phân loại cán bộ dự án sẽ được xác định trên cơ sở các khảo sát thị trường trong nước về công việc tương ứng. Tiền lương cho cán bộ dự án phải phù hợp với mức lương phổ biến ở các dịch vụ và công việc tương tự trên thị trường lao động trong nước.

7. Họp - Hội nghị - Sự kiện

Nói chung, các cuộc họp, hội nghị hay sự kiện và các chi phí liên quan không được cao hơn mức của khách sạn 3 sao hoặc tương đương. Trong một số trường hợp ngoại lệ, nếu CQTH áp dụng tiêu chuẩn khác (cao hơn) quy định thì phải được sự chấp thuận chính thức của nhà tài trợ.

8. Nhân sự cung cấp dịch vụ:

Định mức được xây dựng để phản ánh chung mức chi trả tương đương với mức lương của cán bộ dự án và bao gồm chi trả cho các dịch vụ tư vấn, biên dịch, phiên dịch, cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ, cho việc cung cấp các đầu vào kỹ thuật, soạn thảo báo cáo kỹ thuật, văn bản chính sách,...

9. Cán bộ hướng dẫn – hỗ trợ:

Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ chỉ được huy động khi đóng góp của họ cho dự án không quá 5 ngày làm việc liên tục.

Số lượng cán bộ hỗ trợ công tác tổ chức tập huấn, hội thảo không quá 2 người.

10. Phụ cấp làm việc tại vùng khó khăn

Phụ cấp làm việc tại vùng khó khăn nhằm mục đích bù đắp cho các nhân sự cung cấp dịch vụ hay cán bộ dự án không thường trú nhưng đến làm việc tại những vùng (huyện) nghèo và khó khăn nhất trong cả nước theo quy định trong Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2008 (Xem Phụ lục VI). Mức phụ cấp khó khăn được xác định tối đa là 10% của mức tiền công hoặc tiền lương tương ứng.

Phụ lục I

Cán bộ dự án

Mức lương tháng (Tính theo Đô la Mỹ và thanh toán bằng Đồng Việt Nam)	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
Tiêu chí tham khảo	2 - 5 năm kinh nghiệm	6 - 10 năm kinh nghiệm	11 - 15 năm kinh nghiệm	16 - 20 năm kinh nghiệm	20 năm kinh nghiệm
1. Nhóm 1: Điều phối viên dự án/Quản lý chương trình, Kế toán trưởng, Chuyên gia kỹ thuật,....	1.103	1.254	1.405	1.557	1.708
2. Nhóm 2: Trợ lý hành chính/Thư ký dự án, Kế toán viên, Phiên dịch/Biên dịch viên.	658	778	898	1.017	1.137
3. Nhóm 3: Thư ký, lái xe, nhân viên tạp vụ, người đưa thư, lao công. (Tốt nghiệp Trung học phổ thông).	288	335	383	430	478

Các điều kiện tuyển chọn đối với Nhóm 1 và 2 đòi hỏi trình độ Cử nhân. Trong trường hợp ứng viên trình độ Tiến sĩ hoặc Thạc sĩ thì kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp theo yêu cầu sẽ được giảm đi 2 năm.

Phụ lục II - Nhân lực cung cấp dịch vụ

Phụ lục II – A: Chuyên gia tư vấn trong nước

Mức của Chuyên gia tư vấn trong nước				
LOẠI	Năng lực và Phạm vi công việc	Trình độ học vấn và kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực phù hợp	Mức lương theo Đô la Mỹ và thanh toán bằng Đồng Việt Nam	
			Tối đa theo ngày	Tối đa theo tháng
VNM 1	Thực hiện một nhiệm vụ phức tạp dưới sự giám sát của người khác	Có bằng cử nhân và có từ 3-5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp	60	900
VNM 2	Xây dựng kế hoạch thực hiện và quản lý các nhiệm vụ phức tạp	Có bằng cử nhân và có từ 4 – 6 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp	97	1455
VNM3	Có năng lực về xây dựng kế hoạch, tổ chức và quản lý các nhiệm vụ phức tạp hoặc lãnh đạo một nhóm nhỏ các chuyên gia cố vấn hay giám sát các chuyên gia cố vấn kỹ thuật hoặc đa ngành.	Có bằng thạc sĩ và có 5-10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp	159	2385
VNM4	Lãnh đạo một nhóm đảm nhận việc xây dựng, thực hiện, theo dõi và phát triển các chương trình và/hoặc các chiến lược, chính sách phát triển ở tầm quốc gia.	Có bằng thạc sĩ và có 10 -15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp	223	3345

Ghi chú: Các tư vấn không nhất thiết phải đáp ứng các tiêu chuẩn trên mới được tuyển dụng trong trường hợp trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực phù hợp đáp ứng được yêu cầu công việc.

Các điều kiện tuyển chọn đối với các đối tượng thuộc VNM1 và VNM2 đòi hỏi trình độ Cử nhân. Trong trường hợp ứng viên trình độ Tiến sĩ hoặc Thạc sĩ thì kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp theo yêu cầu sẽ được giảm đi 2 năm.

Các định mức này có thể áp dụng cho chuyên gia tư vấn quốc tế khi có sự nhất trí giữa các bên liên quan.

Phụ lục II – B: Phiên dịch

Phí phiên dịch <i>(tính theo Đô la Mỹ và thanh toán bằng Đồng Việt Nam)</i>	
Mức	Phí
Dịch đồng thời ^(*)	
Cả ngày	450
Nửa ngày	225
Dịch thường	
Cả ngày	150
Giờ	20

(*) Mức dịch đồng thời được thanh toán không theo số lượng người cung cấp dịch vụ.

Phụ lục II – C: Biên dịch

Phí biên dịch <i>(tính theo Đô la Mỹ và thanh toán bằng Đồng Việt Nam)</i>	
Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU sang tiếng Việt	8 USD/trang (350 từ)
Tiếng Việt sang tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU	9 USD/trang (350 từ)

- Các mức trên có thể tăng 20% trong trường hợp ngoại lệ với giải trình của CQTH và được nhà tài trợ chấp thuận.

Phụ lục II – D: Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ (áp dụng nếu thấy phù hợp)

Mức tính theo ngày <i>(đơn vị: Đồng Việt Nam)</i>	
1. Thực hiện nhiệm vụ phức tạp yêu cầu có kiến thức kỹ thuật chuyên sâu, làm việc độc lập, có kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, có khả năng giao tiếp tốt.	600.000
2. Thực hiện những nhiệm vụ phức tạp đòi hỏi có kiến thức về kỹ thuật, làm việc độc lập và có kỹ năng phân tích.	500.000
3. Thực hiện công việc đơn giản yêu cầu áp dụng một phương pháp luận đã được biết đến và làm việc độc lập.	300.000
4. Thực hiện công việc đơn giản yêu cầu áp dụng một phương pháp luận đã được biết đến dưới sự giám sát của người khác.	200.000

Phụ lục III

Công tác phí

<i>Địa điểm</i>	<i>Công tác phí</i> <i>(Tính bằng Đô la Mỹ và thanh toán bằng tiền Đồng Việt Nam)</i>		
<i>Khu vực</i>	<i>Định mức phòng ở</i>	<i>Định mức ăn và tiêu vật</i>	<i>Tổng</i>
TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội (các quận nội thành).	45	20	65
TP. Đà Lạt, TP. Đà Nẵng, TP. Nha Trang, TP. Vũng Tàu, TP. Huế, Hội An, Đồ Sơn, TP. Hạ Long.	36	15	51
TP. Hải Phòng, Sapa, TP. Kon Tum, TP. Hòa Bình, TP. Vinh, TP. Cần Thơ, TP. Quảng Ngãi, TP. Quy Nhơn, Các huyện ngoại thành Hà Nội.	28	12	40
Các nơi khác – Cấp tỉnh.	19	9	28
Các nơi khác – Cấp huyện và cấp xã.			16

Phụ lục IV

Chi phí sử dụng phương tiện đi lại của cá nhân theo km

Chi phí theo KM	0,10 USD
-----------------	----------

Phụ lục V

Taxi đi sân bay

Địa điểm	Sân bay	Taxi sân bay - vé một chiều - tính bằng Đồng Việt Nam
1. TP. Hà Nội	Nội Bài	200.000
2. TP. Hải Phòng	Cát Bi	100.000
3. Điện Biên	Điện Biên	20.000
4. TP. Vinh	Vinh	65.000
5. TP. Huế	Phú Bài	145.000
6. Đồng Hới	Đồng Hới	80.000
7. TP. Đà Nẵng	Đà Nẵng	30.000
8. TP. Nha Trang	Cam Ranh	190.000
9. TP. Quy Nhơn	Phú Cát	220.000
10. TP. Buôn Ma Thuột	Buôn Ma Thuột	100.000
11. TP. Plêiku	Plêiku	80.000
12. TP. Đà Lạt	Liên Khương	245.000
13. TP. Hồ Chí Minh	Tân Sơn Nhất	80.000
14. Phú Quốc	Phú Quốc	50.000
15. Rạch Giá	Rạch Soi	80.000
16. TP. Cần Thơ	Cần Thơ	110.000

Phụ lục VI

Các vùng (huyện) khó khăn

Tỉnh	Số huyện nghèo nhất	Tên huyện
Hà Giang	6	Đông Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ, Hoàng Su Phì, Xín Mần
Cao Bằng	5	Bảo Lâm, Bảo Lạc, Thông Nông, Hà Quảng, Hạ Lang
Lào Cai	3	Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà
Yên Bái	2	Mù Căng Chải, Trạm Tấu
Bắc Kạn	2	Ba Bể, Pắc Nặm
Bắc Giang	1	Sơn Động
Phú Thọ	1	Tân Sơn
Sơn La	5	Sốp Cộp, Phù Yên, Bắc Yên, Mường La, Quỳnh Nhai
Lai Châu	4	Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ, Than Uyên
Điện Biên	4	Điện Biên Đông, Mường Nhé, Tủa Chùa, Mường Ảng
Thanh Hóa	7	Lang Chánh, Thường Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát, Như Xuân, Bá Thước
Nghệ An	3	Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong
Quảng Bình	1	Minh Hóa
Quảng Trị	1	Đa Krông
Quảng Ngãi	6	Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Tây Trà, Ba Tơ
Quảng Nam	3	Phước Sơn, Tây Giang, Nam Trà My
Bình Định	3	An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh
Ninh Thuận	1	Bắc Ái
Kon Tum	2	Tu Mơ Rông, Kon Plông
Lâm Đồng	1	Đam Rông